

Số: 1779/TT-UBND

Gia Lai, ngày 11 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII – Kỳ họp thứ Tư.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII - Kỳ họp thứ Tư xem xét ban hành Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;
- Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ khoản 2, Điều 5, Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

"2. Căn cứ mức chi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này và khả năng ngân sách, mức độ đặc biệt phức tạp hoặc mang tính liên ngành của các TCVN,

QCKT; các Bộ, cơ quan Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nhưng không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư này”.

Căn cứ Điều 1, Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

“Điều 1. Đính chính lỗi kỹ thuật tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật như sau: “Căn cứ mức chi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này” thành “Căn cứ mức chi quy định tại Khoản 1 Điều này”.

Do đó, nhằm điều chỉnh và thống nhất mức chi cụ thể để thực hiện xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII - Kỳ họp thứ Tư, dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước trong công tác xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

2. Quan điểm xây dựng nghị quyết: Việc ban hành nghị quyết phải đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản khác có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy

phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Tài chính được phân công chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự thảo Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết đã được các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia góp ý và được Sở Tư pháp thẩm định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Bố cục Dự thảo Nghị quyết xây dựng gồm 03 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Mức chi xây dựng QCĐP.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

Nội dung cơ bản

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (viết tắt là QCĐP) áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006.

b) Cơ quan nhà nước khi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở để áp dụng trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình được áp dụng các quy định của Nghị quyết này.

3. Mức chi xây dựng QCĐP.

3.1. Chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo QCĐP (nếu có):

a) Đối với dự thảo QCĐP không cần phải khảo sát, khảo nghiệm: 14.000.000 đồng/01 dự thảo.

b) Đối với dự thảo QCĐP cần phải khảo sát, khảo nghiệm: 30.000.000 đồng/01 dự thảo.

3.2. Chi lập dự án QCĐP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: 1.000.000 đồng/01 dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Chi xây dựng thuyết minh dự thảo QCĐP, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo QCĐP: áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai.

3.4. Chi cho công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng QCĐP: áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND.

3.5. Chi thuê chuyên gia trong nước: áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không quá 20% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng QCĐP.

3.6. Chi thuê chuyên gia nước ngoài: trong trường hợp phát sinh nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài không quá 30% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng QCĐP.

3.7. Chi lấy ý kiến nhận xét của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo QCĐP: 500.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo QCĐP.

3.8. Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo QCĐP:

a) Chủ trì cuộc họp: 500.000 đồng/người/buổi.

b) Các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

3.9. Chi cho hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo QCĐP: áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3.10. Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo QCĐP: 500.000 đồng/01 báo cáo phản biện hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.

3.11. Chi họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo QCĐP:

a) Chủ tịch Hội đồng: 1.000.000 đồng/người/buổi.

b) Các thành viên Hội đồng: 500.000 đồng/người/buổi.

3.12. Chi công tác phí: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3.13. Các nội dung khác không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.

(Có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII - Kỳ họp thứ Tư xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: .

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Phước Thành

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO 4

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương
áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;

Thực hiện Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đình chỉ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Khóa XII tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (viết tắt là QCĐP) áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006.

b) Cơ quan nhà nước khi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở để áp dụng trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình được áp dụng các quy định của Nghị quyết này.

Điều 2. Mức chi xây dựng QCĐP

1. Chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo QCĐP (nếu có):

a) Đối với dự thảo QCĐP không cần phải khảo sát, khảo nghiệm: 14.000.000 đồng/01 dự thảo.

b) Đối với dự thảo QCĐP cần phải khảo sát, khảo nghiệm: 30.000.000 đồng/01 dự thảo.

2. Chi lập dự án QCĐP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: 1.000.000 đồng/01 dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi xây dựng thuyết minh dự thảo QCĐP, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo QCĐP: áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai.

4. Chi cho công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng QCĐP: áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND.

5. Chi thuê chuyên gia trong nước: áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không quá 20% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng QCĐP.

6. Chi thuê chuyên gia nước ngoài: trong trường hợp phát sinh nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài không quá 30% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng QCĐP.

7. Chi lấy ý kiến nhận xét của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo QCĐP: 500.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo QCĐP.

8. Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo QCĐP:

a) Chủ trì cuộc họp: 500.000 đồng/người/buổi.

b) Các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

9. Chi cho hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo QCĐP: áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

10. Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo QCĐP: 500.000 đồng/01 báo cáo phản biện hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.

11. Chi họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo QCĐP:

a) Chủ tịch Hội đồng: 1.000.000 đồng/người/buổi.

b) Các thành viên Hội đồng: 500.000 đồng/người/buổi.

12. Chi công tác phí: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

13. Các nội dung khác không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản mới.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII kỳ họp thứ tư thông qua ngày tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Tổng hợp;

CHỦ TỊCH

- Luru: VT-TH.

Số: 480/TTr--STC

Gia Lai, ngày 25 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc đề xuất trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật; Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

Căn cứ Thông báo số 274/TB-HĐND ngày 07/6/2021 của HĐND tỉnh về Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh đối với 03 nội dung do UBND tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3146/UBND-KTTH ngày 22/7/2021 của Văn phòng UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/NQ – HĐND ngày 29/6/2021 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Theo nội dung Công văn số 1532/STP-XD&KTVBQPPL ngày 29/9/2021 của Sở Tư pháp V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 19/10/2021, Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII - kỳ họp thứ cuối năm ban hành Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (có các dự thảo và văn bản thẩm định của Sở Tư pháp kèm theo), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;
- Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ khoản 2, Điều 5, Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

“2. Căn cứ mức chi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này và khả năng ngân sách, mức độ đặc biệt phức tạp hoặc mang tính liên ngành của các TCVN, QCKT; các Bộ, cơ quan Trung ương, **Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp** theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nhưng không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư này”

Căn cứ Điều 1, Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

“Điều 1. Đính chính lỗi kỹ thuật tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật như sau: “Căn cứ mức chi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này” thành “Căn cứ mức chi quy định tại Khoản 1 Điều này”.”

Do đó, nhằm điều chỉnh và thống nhất mức chi cụ thể để thực hiện xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII ban hành Nghị quyết Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước trong công tác xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

2. Quan điểm xây dựng nghị quyết: Việc ban hành nghị quyết phải đảm bảo

thực hiện đúng theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản khác có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sở Tài chính được phân công chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự thảo Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết đã được các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham gia góp ý và được Sở Tư pháp thẩm định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Bố cục Dự thảo Nghị quyết xây dựng gồm 03 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Mức chi xây dựng QCĐP.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

Nội dung cơ bản

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương (viết tắt là QCĐP) áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006.

b) Cơ quan nhà nước khi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở để áp dụng trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình được áp dụng các quy định của Nghị quyết này.

3. Mức chi xây dựng QCĐP.

3.1. Chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo QCĐP (nếu có):

a) Đối với dự thảo QCĐP không cần phải khảo sát, khảo nghiệm: 14.000.000 đồng/01 dự thảo.

b) Đối với dự thảo QCĐP cần phải khảo sát, khảo nghiệm: 30.000.000 đồng/01

dự thảo.

3.2. Chi lập dự án QCĐP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: 1.000.000 đồng/01 dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Chi xây dựng thuyết minh dự thảo QCĐP, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo QCĐP: áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai.

3.4. Chi cho công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng QCĐP: áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND.

3.5. Chi thuê chuyên gia trong nước: áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không quá 20% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng QCĐP.

3.6. Chi thuê chuyên gia nước ngoài: trong trường hợp phát sinh nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài không quá 30% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng QCĐP.

3.7. Chi lấy ý kiến nhận xét của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo QCĐP: 500.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo QCĐP.

3.8. Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo QCĐP:

a) Chủ trì cuộc họp: 500.000 đồng/người/buổi.

b) Các thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

3.9. Chi cho hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo QCĐP: áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3.10. Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo QCĐP: 500.000 đồng/01 báo cáo phản biện hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.

3.11. Chi họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo QCĐP:

a) Chủ tịch Hội đồng: 1.000.000 đồng/người/buổi.

b) Các thành viên Hội đồng: 500.000 đồng/người/buổi.

3.12. Chi công tác phí: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3.13. Các nội dung khác không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.

(Có dự thảo Tờ trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)

Tờ trình này thay thế tờ trình số 437/TTr-STC ngày 06/10/2021 của Sở Tài chính. Trên đây là Tờ trình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc, các phó Giám đốc;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Huệ

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA VÀ GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THAM GIA
 Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai
 /STC-HCSN ngày tháng năm 2021 của Sở Tài chính



STT	Đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Tiếp thu và chỉnh sửa	Ghi chú
1	Sở Tư pháp (tại Công văn số 1532/STP-XD&KTVB)	<p>Thống nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo thống nhất với tên khoản, đề nghị bổ cục nội dung tại điểm b khoản 2 thành một khoản riêng.</p> <p>Ở khoản 4, Điều 2 sửa nội dung “Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai” thành “Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND”.</p> <p>Ở khoản 15, Điều 2 đề nghị trình bày chính xác tên gọi của văn bản được viện dẫn như sau: “Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.</p> <p>Ở khoản 8, khoản 10, khoản 12, khoản 16, Điều 2 nhằm đảm bảo nội dung được ngắn gọn, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC, đề nghị xây dựng nội dung quy định viện dẫn áp dụng trực tiếp quy định tại các điểm g, j, l, p khoản 1 Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC.</p> <p>Tại tên Điều 3, nhằm đảm bảo tên điều chỉ nội dung chính của điều, đề nghị sửa như sau: “Điều 3. Điều khoản thi hành”.</p> <p>Ở phần trình bày cơ quan ban hành văn bản phía dưới tên gọi của văn bản, sửa nội dung “KHÓA ... KỲ HỌP THỨ ...” thành “KHÓA ... KỲ HỌP THỨ ...”;</p> <p>- Đánh số thứ tự của dự thảo văn bản đúng quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP</p> <p>- Chỉnh sửa một số lỗi chính tả tại dự thảo văn bản,...</p>	<p>Tiếp thu, Đã chỉnh sửa</p>	<p>Tại Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng quy định chung trong nội dung đối tượng áp dụng, Sở Tài chính đã xây dựng điểm riêng</p>
2	Sở Tư pháp (tại Công văn số 770/STP-XD&KTVB)	<p>- Ở căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, bỏ sung ngày, tháng, năm ban hành văn bản.</p> <p>- Trình bày chính xác tên gọi của Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Sửa nội dung “Căn cứ Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.” thành “Thực hiện Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật”.</p>	<p>Tiếp thu, Đã chỉnh sửa</p>	
2.1	Tại phần căn cứ ban hành văn bản			

STT	Đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Tiếp thu và chỉnh sửa	Ghi chú
2.2	Về việc xác định đối tượng áp dụng	<p>Nội dung tham gia</p> <p>- Ở điểm a khoản 2, đề nghị xây dựng nội dung đảm bảo nội dung quy định cụ thể, chính xác đối tượng áp dụng văn bản.</p> <p>- Ở điểm b khoản 2, nhằm đảm bảo bố cục nội dung được hợp lý, đề nghị xây dựng thành một khoản riêng.</p> <p>- Ở tên điều, đề nghị bỏ nội dung “trên địa bàn tỉnh Gia Lai”, vì không cần thiết.</p> <p>- Ở khoản 3, nhằm đảm bảo nội dung được chính xác, đề nghị sửa nội dung “quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ...” như sau: “quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ...”.</p> <p>Tương tự, ở khoản 4, đề nghị sửa nội dung “quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai” như sau: “quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND”.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa</p> <p>Tiếp thu một phần</p> <p>Tiếp thu một phần</p>	<p>Đã chỉnh sửa, tham khảo một số tỉnh, Sở Tài chính đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ về đối tượng áp dụng (Công văn số 1092/SKHHCN-CCTĐC ngày 22/9/2021)</p> <p>Tại Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng quy định chung trong nội dung đối tượng áp dụng, Sở Tài chính đã xây dựng điểm riêng</p>
2.3	Góp ý đối với dự thảo Nghị quyết	<p>Đề nghị đổi chiều dự thảo nghị quyết với mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, các quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản, như:</p> <p>a) Trình bày số, ký hiệu văn bản bằng cỡ chữ 13;</p> <p>b) Bỏ dấu chấm (.) sau tên khoản;</p> <p>c) Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt cạnh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản;</p> <p>d) Đối với việc sử dụng từ ngữ viết tắt (V/v), đề nghị sử dụng từ ngữ viết đầy đủ;</p> <p>đ) Chỉnh sửa một số lỗi chính tả tại dự thảo văn bản;...</p>	<p>Tiếp thu, Đã chỉnh sửa</p>	
2.4	Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản		<p>Tiếp thu, Đã chỉnh sửa</p>	
2.5	Góp ý đối với dự thảo Tờ trình		<p>Tiếp thu, Đã chỉnh sửa</p>	
2.5.1	Nội dung dự thảo Tờ trình	<p>Đề nghị xây dựng nội dung dự thảo tờ trình theo mẫu số 03 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; đồng thời đảm bảo thống nhất với nội dung tại dự thảo nghị quyết, như: chỉnh sửa tên gọi của dự thảo tờ trình; xác định căn cứ ban hành nghị quyết thống nhất với phần căn cứ ban hành văn bản tại dự thảo nghị quyết; sửa nội dung “Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;...</p>	<p>Tiếp thu, Đã chỉnh sửa</p>	
2.5.2	Thê thức, kỹ thuật trình bày văn bản	<p>a) Trình bày các nội dung viện dẫn tại dự thảo tờ trình như sau: “Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu của văn bản, thời gian ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (đối với Luật và Pháp lệnh chỉ ghi tên loại và tên của Luật, Pháp lệnh); trong các lần viện dẫn tiếp theo, chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó.”</p> <p>b) Đánh số trang văn bản như sau: “Số trang văn bản: Được đánh từ số 1, bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, được đặt cạnh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản, không hiện thị số trang thứ nhất.”.</p>	<p>Tiếp thu, Đã chỉnh sửa</p>	

STT	Đơn vị tham gia	Nội dung tham gia	Tiếp thu và chỉnh sửa	Ghi chú
2.6	Thực hiện đăng tải toàn văn dự thảo nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai	Thực hiện đăng tải toàn văn dự thảo nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;...	Tiếp thu	Sở Tài chính đã phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai, và trên trang thông tin của Sở Tài chính
3	Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch	Thông nhất		
4	Sở Thông tin và Truyền thông	Thông nhất		
5	Sở Khoa học và Công nghệ	Thông nhất		
6	Sở Xây dựng	Thông nhất		
7	Sở Y tế	Thông nhất		
8	Sở Giao thông vận tải	Thông nhất		
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thông nhất		
10	Ban quản lý khu kinh tế	Thông nhất		
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thông nhất		
12	UBND Huyện Đak Đoa	Thông nhất		
13	UBND Huyện Kông Pa	Thông nhất		
14	UBND Thị Xã An Khê	Thông nhất		
15	UBND Huyện Ia Grai	Thông nhất		
16	UBND Thành phố Pleiku	Thông nhất		
17	UBND Huyện Phú Thiện	Thông nhất		

TT	NỘI DUNG	Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020	Dự thảo tỉnh Gia Lai	TP Đà Nẵng Nghị quyết 326/2020/NQ-HBND ngày 09/12/2020	Tỉnh Bình Định Nghị quyết 27/2020/NQ-HBND ngày 06/12/2020	Tỉnh Kon Tum Nghị quyết 22/2020/NQ-HBND ngày 13/7/2020	Tỉnh Phú Yên Nghị quyết 16/2020/NQ-HBND ngày 09/12/2020
1	Chỉ công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo Không cần phải khảo sát, khảo nghiệm Cần phải khảo sát, khảo nghiệm	Mức chi tối đa là 20.000.000 đồng/01 dự thảo Mức chi tối đa 45.000.000 đồng/01 dự thảo	14.000.000 đồng/01 dự thảo 30.000.000 đồng/01 dự thảo 1.000.000 đồng/01 dự án	16.000.000 đồng/01 dự thảo 36.000.000 đồng/01 dự thảo Chi lập dự án QCEP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	14.000.000 đồng/01 dự thảo 32.000.000 đồng/01 dự thảo Chi lập dự án QCEP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: 1.000.000 đồng/01 dự án	16.000.000 đồng/01 dự thảo 36.000.000 đồng/01 dự thảo Chi lập dự án TCCS, QCEP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: 1.200.000 đồng/01 dự án	14.000.000 đồng/01 dự thảo 30.000.000 đồng/01 dự thảo Chi lập dự án TCCS, QCEP trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: 1.000.000 đồng/01 dự án
2	Chỉ lập dự án TCVN, QCKT trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Mức chi tối đa 1.500.000 đồng/01 dự án	1.000.000 đồng/01 dự án	1.000.000 đồng/01 dự án	1.000.000 đồng/01 dự án	1.000.000 đồng/01 dự án	1.000.000 đồng/01 dự án
3	Chỉ xây dựng thuyết minh dự thảo, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo	Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước	Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Áp dụng định mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 88/2017/NQ-HBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các nội dung liên quan đến lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.	Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.	Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.	Không quy định
4	Chỉ cho công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng TC, QCKT	Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN;	Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Áp dụng định mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 39/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND thành phố quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Áp dụng định mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 88/2017/NQ-HBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.	Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.	Không quy định
5	Chỉ thuê chuyên gia trong nước	Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cùng cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 20% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCVN, QCKT;	Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia trong nước làm cơ sở dự toán cùng cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 20% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng QCEP.	Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia trong nước làm cơ sở dự toán cùng cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng QCEP	Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cùng cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCCS, QCEP	Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cùng cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 20% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCCS, QCEP.	Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cùng cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 20% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCCS, QCEP.

STT	NỘI DUNG	ĐỢT THẢO THUYẾT GIỚI LẠI	LƯU ĐANG	TỈNH BÌNH ĐỊNH	TỈNH KHON TUM	TỈNH PHU YEN
6	Chi thuê chuyên gia nước ngoài	Trong trường hợp phát sinh nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, đơn vị cần có nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCYN, QCKT;	Trong trường hợp phát sinh nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, đơn vị cần có nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng QCDP.	Nghị quyết 326/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Nghị quyết 22/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	Nghị quyết 16/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020
7	Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban kỹ thuật TCYN, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCYN, của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCYN, QCKT	Chi lấy ý kiến nhận xét của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo QCDP. Mức chi tối đa là 500.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo QCDP.	Chi lấy ý kiến nhận xét của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo QCDP. Mức chi là 500.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo QCDP.	Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban kỹ thuật QCDP, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng QCDP của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCSS, QCDP. Mức chi là 400.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo TCSS, QCDP.	Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban kỹ thuật QCDP, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng QCDP của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCSS, QCDP. Mức chi là 400.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo TCSS, QCDP.	Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban kỹ thuật QCDP, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng QCDP của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCSS, QCDP. Mức chi 350.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo TCSS, QCDP.
8	Chi mua vật tư, văn phòng phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, tiêu chuẩn, quy trình, tài liệu kỹ thuật, bi quyết công nghệ phục vụ cho việc xây dựng dự thảo QCDP	Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.	Căn cứ vào khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.	Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.	Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.	Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.
9	Chi tổ chức các cuộc họp Ban kỹ thuật TCYN, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCYN;	Chi tổ chức các cuộc họp ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCYN. Tối đa 150.000 đồng/người/buổi.	Chi tổ chức các cuộc họp ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng QCDP	Chi tổ chức các cuộc họp ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng QCDP	Chi tổ chức các cuộc họp ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng QCDP	Chi tổ chức các cuộc họp ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng QCDP
10	Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo QCDP	Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo QCDP	Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo QCDP	Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo QCDP	Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo TCSS, QCDP	Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo TCSS, QCDP
11	Chi định và hiệu đính tài liệu, từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Áp dụng Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020	Áp dụng Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020	Áp dụng Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;	Áp dụng mức chi quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.	Áp dụng mức chi quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.
12	Chi cho hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo TCYN, QCKT	Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;	Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.	Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.	Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
13	Chi mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, ngoài nước về các nội dung của dự thảo TCYN, QCKT	Tùy theo từng lĩnh vực cụ thể thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh và báo giá tương ứng của nhà cung cấp;	Tùy theo từng lĩnh vực cụ thể thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh và báo giá tương ứng của nhà cung cấp	Tùy theo từng lĩnh vực cụ thể thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh và báo giá tương ứng của nhà cung cấp	Tùy theo từng lĩnh vực cụ thể thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh và báo giá tương ứng của nhà cung cấp.	Tùy theo từng lĩnh vực cụ thể thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh và báo giá tương ứng của nhà cung cấp.

STT	NỘI DUNG	Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020	Dự thảo tỉnh Gia Lai	TP Đà Nẵng Nghị quyết 326/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Tỉnh Bình Định Nghị quyết 27/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020	Tỉnh Kon Tum Nghị quyết 22/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	Tỉnh Phú Yên Nghị quyết 16/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020
14	Chỉ nhiệm xét đánh giá phân biên hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo TCVN, QCKT	Mức chi tối đa 500.000 đồng/01 báo cáo phân biên hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.	Chỉ nhiệm xét đánh giá phân biên hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo QCDP; Mức chi 500.000 đồng/01 báo cáo phân biên hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.	Chỉ nhiệm xét đánh giá phân biên hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo QCDP; Mức chi 500.000 đồng/01 báo cáo phân biên hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.	Chỉ nhiệm xét đánh giá phân biên hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo QCDP; Mức chi 350.000 đồng/01 báo cáo phân biên hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.	Chỉ nhiệm xét đánh giá phân biên hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo TCCS, QCDP; Mức chi 400.000 đồng/01 báo cáo phân biên hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.	Chỉ nhiệm xét đánh giá phân biên hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo TCCS, QCDP; Mức chi 350.000 đồng/01 báo cáo phân biên hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.
15	Chỉ họp hội đồng thẩm tra, thẩm định dự thảo TCVN, QCKT	Chỉ họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo QCDP	Chỉ họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo QCDP	Chỉ họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo QCDP	Chỉ họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo QCDP	Chỉ họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo TCCS, QCDP	Chỉ họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo TCCS, QCDP
a	Chỉ tịch Hội đồng	Tối đa 1.000.000 đồng/người/buổi.	1.000.000 đồng/người/buổi.	1.000.000 đồng/người/buổi	700.000 đồng/người/buổi.	800.000 đồng/người/buổi.	700.000 đồng/người/buổi.
b	Các thành viên Hội đồng	Tối đa 500.000 đồng/người/buổi.	500.000 đồng/người/buổi.	500.000 đồng/người/buổi	350.000 đồng/người/buổi.	400.000 đồng/người/buổi.	350.000 đồng/người/buổi.
16	Chỉ công tác phí	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố Đà Nẵng về quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 86/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.	Không quy định
17	Một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT: Thực hiện theo các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tương ứng của Bộ Tài chính.	Các nội dung khác không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.	Thực hiện theo các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tương ứng của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng	Một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng dự thảo QCDP; Thực hiện theo các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tương ứng của Bộ Tài chính và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.	Một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng dự thảo TCCS, QCDP; Thực hiện theo các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tương ứng của Bộ Tài chính và các quy định liên quan của cấp có thẩm quyền.	Các nội dung khác không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật hiện hành	

Số: 1532/STP-XD&KTVB

Gia Lai, ngày 29 tháng 9 năm 2021

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Sở Tài chính.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 3017/STC-HCSN ngày 23/9/2021 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết là dự thảo văn bản), các tài liệu kèm theo Văn bản số 3017/STC-HCSN, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thống nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo thống nhất với tên khoản, đề nghị bố cục nội dung tại điểm b khoản 2 thành một khoản riêng.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo văn bản đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 2 Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật, Hội đồng nhân dân

tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

3. Nội dung dự thảo văn bản

a) Tại Điều 2

- Ở khoản 4, căn cứ khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị sửa nội dung “*Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai*” thành “*Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND*”.

- Ở khoản 15, đề nghị trình bày chính xác tên gọi của văn bản được viện dẫn như sau: “*Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”.

- Ở khoản 8, khoản 10, khoản 12, khoản 16, nhằm đảm bảo nội dung được ngắn gọn, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC, đề nghị xây dựng nội dung quy định viện dẫn áp dụng trực tiếp quy định tại các điểm g, j, l, p khoản 1 Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC.

b) Tại tên Điều 3, nhằm đảm bảo tên điều chỉ nội dung chính của điều, đề nghị sửa như sau: “**Điều 3. Điều khoản thi hành**”.

III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI VĂN BẢN ĐÃ GIAO CHO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Dự thảo văn bản đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC.

IV. NGÔN NGỮ VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản, như:

- Ở phần trình bày cơ quan ban hành văn bản phía dưới tên gọi của văn bản, sửa nội dung “**KHÓA ..., KỶ HỢP THỨ ...**” thành “**KHÓA ... KỶ HỢP THỨ ...**”;

- Đánh số thứ tự của dự thảo văn bản đúng quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

- Chính sửa một số lỗi chính tả tại dự thảo văn bản;...

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản, đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo văn bản. Dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: XD&KTVB; VT/TP.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Ngọc Lam

Số: 274/TB-HĐND

Gia Lai, ngày 07 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO

Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh đối với 03 nội dung do UBND tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh

Trên cơ sở kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp ngày 04/6/2021, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến đối với 03 nội dung do UBND tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh: (1) Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 462/TTr-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh); (2) Quy định về việc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai (Tờ trình số 479/TTr-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh); (3) Bãi bỏ nghị quyết số 18/2006/NQ-HĐND ngày 12/7/2016 của HĐND tỉnh về việc bổ sung quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku đến năm 2020 (Tờ trình số 594/TTr-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh), cụ thể như sau:

Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đề UBND tỉnh xây dựng 03 dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh:

(1) Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(2) Quy định về việc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

(3) Bãi bỏ nghị quyết số 18/2006/NQ-HĐND ngày 12/7/2016 của HĐND tỉnh về việc bổ sung quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku đến năm 2020.

Thời gian trình: Tại Kỳ họp cuối năm 2021, HĐND tỉnh khóa XII.

Thường trực HĐND tỉnh thông báo đề UBND tỉnh biết, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT- TH.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Văn Đạt



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 815/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 3 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/03/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính lỗi kỹ thuật tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật như sau: “*Căn cứ mức chi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này*” thành “*Căn cứ mức chi quy định tại Khoản 1 Điều này*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 04 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các Hội, đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (250b) /.

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Quân



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2020

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 09 tháng 2 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (viết tắt là TCVN) và quy chuẩn kỹ thuật (viết tắt là QCKT), bao gồm lập kế hoạch, rà soát, xây dựng, thẩm định TCVN và QCKT.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Bộ, ngành, địa phương), các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. Cơ quan nhà nước khi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở để áp dụng trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình được áp dụng các quy định của Thông tư này.

Điều 2. Nguồn kinh phí xây dựng TCVN, QCKT

1. Nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương theo phân cấp hiện hành.
2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác.
3. Các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí

1. Công tác quản lý, xây dựng TCVN, QCKT là nhiệm vụ theo chức năng của các Bộ, ngành, địa phương được cấp có thẩm quyền quy định. Trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch xây dựng TCVN, QCKT trong năm, các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí để thực hiện kế hoạch, rà soát, chuyển đổi, xây dựng, thẩm định TCVN, QCKT cho phù hợp với tiến độ triển khai nhiệm vụ.

2. Đối với các khoản kinh phí tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân phục vụ cho việc xây dựng TCVN, QCKT thực hiện theo thoả thuận với nhà tài trợ, hỗ trợ; trong trường hợp không có thoả thuận cụ thể với nhà tài trợ, hỗ trợ thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung chi

1. Nội dung chi trực tiếp cho việc xây dựng TCVN và QCKT
 - a) Chi công lao động thuê ngoài đối với các cán bộ, chuyên gia trực tiếp tham gia xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;
 - b) Chi công tác nghiên cứu, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, phân tích kết quả điều tra, khảo sát, thử nghiệm, khảo nghiệm phục vụ cho việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;
 - c) Chi thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài phục vụ công tác xây dựng TCVN, QCKT (nếu có);
 - d) Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban kỹ thuật TCVN, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCVN, các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCVN và QCKT;

d) Chi mua vật tư, văn phòng phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, tiêu chuẩn, quy trình, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;

e) Chi tổ chức các cuộc họp Ban kỹ thuật TCVN, Ban biên soạn hoặc Tổ biên soạn xây dựng TCVN, các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCVN và QCKT, hội nghị chuyên đề, hội thảo khoa học về dự thảo TCVN, QCKT;

f) Chi dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch TCVN, QCKT sang tiếng nước ngoài;

g) Chi thực hiện các hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo TCVN, QCKT;

h) Chi mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, ngoài nước về các nội dung của dự thảo TCVN, QCKT (nếu có);

i) Một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT.

2. Nội dung chi phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng TCVN, QCKT bao gồm:

a) Chi tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo phục vụ công tác lập kế hoạch, rà soát chuyên đề TCVN, QCKT;

b) Chi họp Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định dự thảo TCVN, QCKT;

c) Chi nhận xét đánh giá phản biện của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định có báo cáo phản biện, đánh giá thẩm định về dự thảo TCVN, QCKT;

d) Chi công tác phí cho các thành viên Hội đồng thẩm định (nếu có);

đ) Các khoản chi văn phòng phẩm, chi phí in ấn, phô tô tài liệu liên quan đến việc thực hiện công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng TCVN, QCKT.

Điều 5. Định mức chi xây dựng TCVN, QCKT

1. Định mức chi cụ thể:

a) Chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo TCVN, QCKT (nếu có): Mức chi tối đa là 20.000.000 đồng/01 dự thảo đối với TCVN, QCKT không cần phải khảo sát, khảo nghiệm; mức chi tối đa 45.000.000 đồng/01 dự thảo đối với TCVN, QCKT cần phải khảo sát, khảo nghiệm;

b) Chi lập dự án TCVN, QCKT trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/01 dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chi xây dựng thuyết minh dự thảo TCVN, QCKT, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo TCVN, QCKT: Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính, Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và

công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN);

d) Chi cho công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng TCVN, QCKT: Áp dụng định mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN;

đ) Chi thuê chuyên gia trong nước: Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCVN, QCKT;

e) Chi thuê chuyên gia nước ngoài: Trong trường hợp phát sinh nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng TCVN, QCKT;

f) Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban kỹ thuật TCVN, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCVN, của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo TCVN, QCKT: Mức chi tối đa là 500.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo TCVN, QCKT;

g) Chi mua vật tư, văn phòng phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, tiêu chuẩn, quy trình, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT: Căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

h) Chi tổ chức các cuộc họp Ban kỹ thuật TCVN, Ban biên soạn hoặc tổ biên soạn xây dựng TCVN:

- Trưởng ban: tối đa 150.000 đồng/người/buổi.

- Các thành viên Ban kỹ thuật: tối đa 100.000 đồng/người/buổi.

i) Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo TCVN, QCKT, mức chi như sau:

- Chủ trì cuộc họp: Tối đa 600.000 đồng/người/buổi.

- Các thành viên tham dự: Tối đa 100.000 đồng/người/buổi.

j) Chi dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: Áp dụng định mức chi quy định tại Khoản 7 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân

sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

k) Chi cho hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo TCVN, QCKT: Áp dụng định mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

l) Chi mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, ngoài nước về các nội dung của dự thảo TCVN, QCKT: Tuỳ theo từng lĩnh vực cụ thể thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh và báo giá tương ứng của nhà cung cấp;

m) Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo TCVN, QCKT: Mức chi tối đa 500.000 đồng/01 báo cáo phản biện hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.

n) Chi họp hội đồng thẩm tra, thẩm định dự thảo TCVN, QCKT, mức chi được quy định như sau:

- Chủ tịch Hội đồng: Tối đa 1.000.000 đồng/người/buổi.
- Các thành viên Hội đồng: Tối đa 500.000 đồng/người/buổi.

o) Chi công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

p) Một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng dự thảo TCVN, QCKT: Thực hiện theo các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tương ứng của Bộ Tài chính.

2. Căn cứ mức chi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này và khả năng ngân sách, mức độ đặc biệt phức tạp hoặc mang tính liên ngành của các TCVN, QCKT; các Bộ, cơ quan Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nhưng không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Thông tư này

3. Trường hợp các nội dung chi về vật tư, hoá chất, nguyên nhiên vật liệu, chi phí khảo nghiệm không có các định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng TCVN, QCKT quyết định mức chi cho các nội dung này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

Điều 6. Lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT

Việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số nội dung như sau:

1. Lập dự toán:

a) Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của các cấp có thẩm quyền; căn cứ vào nội dung, yêu cầu khối lượng công việc xây dựng các dự án TCVN, QCKT; căn cứ vào các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng TCVN, QCKT lập dự toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT trình cơ quan chủ quản.

b) Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ kế hoạch xây dựng TCVN, QCKT thuộc lĩnh vực quản lý và dự toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT do các đơn vị trực thuộc lập theo quy định của Thông tư này để tổng hợp chung vào dự toán của Bộ, ngành, địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Phân bổ và giao dự toán

Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao; các Bộ, ngành, địa phương phân bổ và giao dự toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT theo nội dung chi quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và Thông tư này; đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để kiểm tra và thực hiện.

3. Thực hiện dự toán chi ngân sách

a) Căn cứ dự toán chi ngân sách được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

b) Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Quyết toán

a) Báo cáo quyết toán

Các đơn vị được giao dự toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT phải thực hiện công tác khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và trách nhiệm xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

Kinh phí xây dựng TCVN, QCKT được quyết toán phù hợp với nguồn kinh phí sử dụng và phù hợp với mục chi tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành và tổng hợp trong báo cáo quyết toán hàng năm của cơ quan, đơn vị.

b) Xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán

Việc xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán kinh phí xây dựng TCVN, QCKT hàng năm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-

BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

5. Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức, cá nhân chủ trì xây dựng TCVN, QCKT

a) Đơn vị, tổ chức chủ trì xây dựng TCVN, QCKT phải thực hiện đúng các quy định về quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng TCVN, QCKT theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

b) Người chủ trì phải chịu trách nhiệm về các nội dung và kết quả nghiên cứu xây dựng TCVN, QCKT theo dự án đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm báo cáo và thuyết minh số liệu quyết toán kinh phí thực hiện với đơn vị, tổ chức chủ trì.

c) Đơn vị, tổ chức chủ trì có trách nhiệm quản lý theo dõi và thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện, chịu trách nhiệm kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí thực hiện xây dựng TCVN, QCKT và tổng hợp vào báo cáo quyết toán của cơ quan, đơn vị và gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với dự án xây dựng TCVN và QCKT đã được phê duyệt dự toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 145/2009/TTLT-BTC-BKHCN BKHCN ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật trước ngày hiệu lực của Thông tư này thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã được duyệt.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2020.

2. Chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này thực hiện đến hết năm 2020. Từ năm 2021 trở đi thực hiện theo quy định chung về chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

3. Thông tư liên tịch số 145/2009/TTLT-BTC-BKHCN ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản

lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

4. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tương ứng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các Hội, đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (290 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Số: 27 /2016/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 25 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Điều 142, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN, ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính – Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

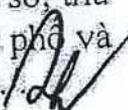
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính tại Tờ trình số 233/TTr-SKHCN-STC ngày 09/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2016.

Quyết định này thay thế Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh; Giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Báo Gia Lai;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Võ Ngọc Thành